

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

PHẠM THỊ NGỌC MINH

**GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO PHỤ NỮ
Ở NƯỚC TA HIỆN NAY**

Chuyên ngành : Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật

Mã số : 60 38 01

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2012

**Công trình đ- ọc hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS Hoàng Thị Kim Quế

Phần biện 1:

Phần biện 2:

**Luận văn đ- ọc bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2012.

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang		Trang
<i>Trang phụ bì</i>			
<i>Lời cam đoan</i>			
<i>Mục lục</i>			
<i>Danh mục các bảng</i>			
MỞ ĐẦU	1		
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO PHỤ NỮ	7		
1.1. Khái niệm về giáo dục pháp luật cho phụ nữ	7		
1.1.1. Khái niệm giáo dục pháp luật	7		
1.1.2. Khái niệm về giáo dục pháp luật cho phụ nữ	10		
1.1.3. Mục đích của giáo dục pháp luật cho phụ nữ	11		
1.1.4. Nội dung và hình thức của giáo dục pháp luật cho phụ nữ	14		
1.1.4.1. Nội dung của giáo dục pháp luật cho phụ nữ	14		
1.1.4.2. Hình thức giáo dục pháp luật cho phụ nữ	16		
1.1.5. Chủ thể, khách thể, đối tượng giáo dục pháp luật cho phụ nữ	18		
1.1.5.1. Chủ thể giáo dục pháp luật cho phụ nữ 18			
1.1.5.2. Khách thể (đối tượng) giáo dục pháp luật cho phụ nữ	18		
1.2. Các yếu tố tác động đến việc giáo dục pháp luật cho phụ nữ	20		
1.2.1. Các yếu tố về truyền thống, văn hóa, phong tục tập quán	20		
1.2.2. Yếu tố kinh tế, lao động - việc làm	23		
1.2.3. Yếu tố về pháp luật đối với phụ nữ	24		
1.2.4. Yếu tố nhận thức của bản thân người phụ nữ	29		
1.2.5. Yếu tố về năng lực chủ thể đi giáo dục pháp luật	30		
1.3. Những đặc điểm cơ bản của giáo dục pháp luật cho phụ nữ	32		
1.3.1. Phụ nữ ít quan tâm đến pháp luật hơn nam giới	32		
1.3.2. Phụ nữ thường chỉ quan tâm đến một số văn bản pháp luật cơ bản có liên quan đến phụ nữ	33		
1.4. Quản lý nhà nước về giáo dục pháp luật cho phụ nữ	35		
1.4.1. Các chính sách, quy định của pháp luật về giáo dục pháp luật cho phụ nữ	35		
1.4.2. Các chủ thể tham gia quản lý nhà nước về giáo dục pháp luật	37		
Chương 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO PHỤ NỮ NƯỚC TA HIỆN NAY	39		
2.1. Thực trạng đời sống của phụ nữ ở nước ta hiện nay	39		
2.1.1. Phụ nữ nông thôn	39		
2.1.2. Phụ nữ thành thị	43		
2.1.3. Phụ nữ là công nhân lao động	45		
2.1.4. Phụ nữ trí thức	47		
2.2. Thực trạng của chính sách và việc thực hiện pháp luật về quyền phụ nữ	52		
2.2.1. Các quyền và chính sách đối với phụ nữ theo pháp luật Việt Nam	52	2.2.2.1. Các quyền của phụ nữ theo pháp luật Việt Nam	52
		2.2.2.2. Việc thực hiện pháp luật về quyền của phụ nữ	53
		2.3. Thực trạng về giáo dục pháp luật cho phụ nữ hiện nay	54
		2.3.1. Kế hoạch về tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho phụ nữ đến năm 2012 của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam	54
		2.3.2. Thực trạng của giáo dục pháp luật cho phụ nữ	56
		2.3.2.1. Về nội dung giáo dục pháp luật	56
		2.3.2.2. Hình thức giáo dục pháp luật	59
		2.3.2.3. Cơ quan, tổ chức, báo cáo viên làm công tác giáo dục pháp luật	60
		2.3.2.4. Vấn đề trợ giúp pháp lý cho phụ nữ	60
		Chương 3: TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO PHỤ NỮ NƯỚC TA TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY - PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP	63
		3.1. Sự cần thiết phải giáo dục pháp luật cho phụ nữ trong giai đoạn hiện nay	63
		3.2. Những nhu cầu thực tiễn về giáo dục pháp luật cho phụ nữ	64
		3.2.1. Về nhận thức chung của phụ nữ về nhu cầu hiểu biết pháp luật	64
		3.2.2. Về nhu nội dung pháp luật được giáo dục	65
		3.2.3. Nhu cầu về hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp	66
		3.2.4. Nhu cầu về hình thức tài liệu tuyên truyền phổ biến pháp luật	68
		3.2. Phương hướng tăng cường giáo dục pháp luật cho phụ nữ hiện nay	68
		3.2.1. Xây dựng kế hoạch, chương trình giáo dục pháp luật cho phụ nữ	68
		3.2.2. Phối hợp với các bộ, ngành liên quan tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật cho phụ nữ	71
		3.2.3. Xây dựng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên về pháp luật	71
		3.3. Các giải pháp cơ bản về tăng cường giáo dục pháp luật cho phụ nữ trong giai đoạn hiện nay	73
		3.3.1. Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về giáo dục pháp luật cho phụ nữ	73
		3.3.2. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho phụ nữ	74
		3.3.3. Kết hợp giáo dục pháp luật với các lĩnh vực giáo dục đào tạo khác đặc biệt là giáo dục phẩm chất đạo đức cho phụ nữ	75
		3.3.4. Tăng cường, đa dạng các hình thức giáo dục pháp luật cho phụ nữ thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan tham gia giáo dục pháp luật cho phụ nữ	76
		3.3.5. Thành lập các trung tâm tư vấn pháp luật cho phụ nữ	81
		3.3.6. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả và mở rộng Đề án "Cấp báo Phụ nữ Việt Nam không thu tiền cho Hội Liên hiệp phụ nữ xã, chi Hội phụ nữ các xã đặc biệt khó khăn, chi hội phụ nữ thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc xã vùng II"	83
		3.3.7. Bảo đảm kinh phí trong công tác giáo dục pháp luật cho phụ nữ	84
		3.3.8. Tô chức sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm đối với những mô hình, câu lạc bộ pháp luật hiệu quả đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm những vi phạm kỷ	85

luật, pháp luật của cán bộ, công chức

KẾT LUẬN

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

87

90

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm gần đây cùng với sự phát triển của đất nước trên mọi lĩnh vực, vai trò, vị trí của phụ nữ cũng được nâng lên rõ rệt. Phụ nữ ngày càng tham gia sâu rộng trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Có được sự phát triển đó là do sự nỗ lực phấn đấu của bản thân mỗi người phụ nữ, tuy nhiên sự thành công đó cũng không thể trở thành hiện thực nếu không có một hệ thống pháp luật đồng bộ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ. Các quy định của pháp luật hiện nay đã và đang tạo điều kiện thuận lợi cho phụ nữ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Bên cạnh kết quả đã đạt được vẫn còn nhiều phụ nữ chưa được tiếp cận với các quy định của nhà nước về những quyền và nghĩa vụ của mình. Chính từ sự thiếu hiểu biết về pháp luật nên một bộ phận phụ nữ không tự bảo vệ được mình và người thân trong hoàn cảnh cụ thể.

Là một cán bộ của Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, tôi luôn trăn trở làm thế nào để giúp chị em phụ nữ nâng cao trình độ của bản thân, hiểu rõ các quy định của pháp luật để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân khi bị xâm hại. Qua những đợt nghiên cứu thực tế, qua tiếp xúc, trao đổi, làm việc với đội ngũ cán bộ Hội chuyên trách các cấp, với hội viên, phụ nữ ở nhiều tỉnh, thành trong cả nước tôi nhận thấy: còn một bộ phận khá lớn phụ nữ đặc biệt là ở vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa không quan tâm hoặc hiểu biết rất ít các quy định của pháp luật liên quan trực tiếp đến phụ nữ.

Làm thế nào để phụ nữ trong cả nước hiểu và làm đúng các quy định của pháp luật, nhất là các quy định liên quan trực tiếp đến phụ nữ để tự bảo vệ mình và gia đình khi quyền lợi đó bị xâm phạm? Đây là một vấn đề lớn đòi hỏi sự quan tâm của tất cả các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương.

Qua hai năm học tập, nghiên cứu tại Khoa Luật - Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, kết hợp giữa lý luận đã được học và thực tế làm việc tại cơ quan Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam; được sự hướng dẫn khoa học của GS.TS Hoàng Thị Kim Quế, tôi chọn đề tài "***Giáo dục pháp luật cho phụ nữ ở nước ta hiện nay***" làm đề tài bảo vệ luận văn Thạc sĩ. Tôi mong muốn qua luận văn này

đưa ra được thực trạng cũng như những kiến nghị, đề xuất trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho phụ nữ hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Giáo dục pháp luật là một vấn đề mang tính cấp thiết ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Đây là vấn đề đã và đang được các nhà khoa học pháp lý quan tâm. Nhiều công trình nghiên cứu về lĩnh vực này đã được công bố, như: "*Nâng cao ý thức pháp luật của đội ngũ cán bộ quản lý hành chính nhà nước hiện nay*", Luận án tiến sĩ của Lê Đình Khiên, 1993; "*Xây dựng ý thức và lối sống theo pháp luật*", Đào Trí Úc chủ biên, Hà Nội, 1995; "*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về giáo dục pháp luật trong công cuộc đổi mới*", của Viện Nghiên cứu Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, Hà Nội, 1995; "*Một số vấn đề giáo dục pháp luật ở miền núi và vùng dân tộc thiểu số*", Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996; "*Giáo dục pháp luật trong các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề (không chuyên luật) ở nước ta hiện nay*", Luận án tiến sĩ Luật học của Đinh Xuân Thảo, 1996; "*Giáo dục pháp luật qua hoạt động tư pháp - hình thức đặc thù của giáo dục pháp luật*", Luận án tiến sĩ của Dương Thanh Mai, 1996; "*Công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật ở nước ta - Thực trạng và giải pháp*", Luận văn Thạc sĩ của Hồ Quốc Dũng, 1997; "*Một số vấn đề về giáo dục pháp luật trong giai đoạn hiện nay*", của Vụ Phổ biến giáo dục pháp luật, Bộ Tư pháp, Nxb Thanh niên, 1997; "*Bàn về hiệu quả, phổ biến giáo dục pháp luật của nước ta hiện nay*", của GS.TS Hoàng Thị Kim Quế, 2011.

Các công trình nói trên đã nêu ra nhiều vấn đề rất cơ bản cả về lý luận và thực tiễn trong hoạt động giáo dục pháp luật trên nhiều góc độ, tuy nhiên chưa có nhiều công trình nghiên cứu đầy đủ và có hệ thống về giáo dục pháp luật cho phụ nữ. Vì vậy với môi trường làm việc thực tế của mình tôi đã chọn đề tài này để nghiên cứu với mong muốn đưa ra được một số biện pháp giúp cho công tác giáo dục pháp luật cho phụ nữ ngày càng hiệu quả.

3. Tổng quan nghiên cứu

Đề tài được nghiên cứu dựa trên hoạt động thực tiễn trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho hội viên, phụ nữ của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam. Thông qua việc nghiên cứu, tìm hiểu thực trạng, nhu cầu về trang bị kiến thức pháp luật đối với đối tượng là phụ nữ ở các địa bàn, vị trí khác nhau từ đó đưa ra các giải pháp góp phần nâng cao kiến thức pháp luật cho phụ nữ, ý thức chấp

hành luật pháp, từng bước thay đổi nhận thức và hành vi của phụ nữ trong việc thực hiện "*sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật*".

4. Mục đích, nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu

4.1. Mục đích

Từ hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam để nghiên cứu thực trạng và đưa ra giải pháp trong việc giáo dục pháp luật cho phụ nữ ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

4.2. Nhiệm vụ

- Đưa ra được thực trạng của việc giáo dục pháp luật cho nhân dân nói chung và phụ nữ nói chung trong giai đoạn hiện nay.

- Tìm ra được những mặt được và những mặt còn hạn chế cũng như nguyên nhân của nó.

- Đưa ra giải pháp khắc phục những hạn chế đó.

4.3. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu thực trạng và giải pháp nhằm tăng cường giáo dục pháp luật cho phụ nữ trong giai đoạn hiện nay.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu:

5.1. Phương pháp luận

Luận văn được xây dựng trên cơ sở lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật. Quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Phương pháp luận trong nghiên cứu là phương pháp duy vật biện chứng của triết học Mác - Lênin.

5.2. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể

- Sử dụng phương pháp nghiên cứu thực tế: từ hoạt động thực tiễn của Hội trong việc giáo dục pháp luật cho hội viên, phụ nữ.

- Tổ chức hội thảo, tọa đàm, phỏng vấn sâu về vấn đề giáo dục pháp luật cho phụ nữ hiện nay.

- Sử dụng phương pháp điều tra, khảo sát đối với một số đối tượng phụ nữ (đề tài được thực hiện dựa trên kết quả khảo sát nghiên cứu tại 6 tỉnh/thành: Hà Nội, Sơn La, Gia Lai, Quảng Ngãi, Trà Vinh và Bình Thuận với 5 đối tượng được nghiên cứu là: Lãnh đạo Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp, Cán bộ Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp, Đại diện một số cơ quan, sở, ban, ngành, đoàn thể trên địa

bàn khảo sát; báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật của Hội công tác tại các cơ quan, ban, ngành địa phương và hội viên, phụ nữ là nông dân, người dân tộc thiểu số, công nhân, nữ chủ doanh nghiệp và nữ công nhân viên chức trong các cơ quan nhà nước). Với tổng số phiếu điều tra, nghiên cứu là: 1.800 phiếu hỏi

+ 240 phiếu dành cho cán bộ Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam các cấp, tỉnh, huyện, xã; Đại diện một số cơ quan, sở, ban, ngành, đoàn thể trên địa bàn khảo sát; báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật của Hội công tác tại các cơ quan, ban, ngành địa phương

+ 1.560 phiếu bốn nhóm phụ nữ (*phụ nữ là nông dân, lao động giản đơn; phụ nữ là công nhân; phụ nữ là doanh nhân, nữ tiểu thương; phụ nữ là cán bộ công chức viên chức: 390 phiếu/nhóm đối tượng*).

- Sử dụng các kết quả nghiên cứu từ các đề tài khoa học của Hội, của các Bộ, ngành liên quan.

6. Những đóng góp mới của luận văn

- Luận văn là công trình nghiên cứu có hệ thống về thực trạng công tác giáo dục pháp luật cho phụ nữ ở nước ta hiện nay.

- Đề xuất phương hướng và các giải pháp cơ bản về giáo dục pháp luật cho phụ nữ.

7. Ý nghĩa thực tiễn của luận văn

- Luận văn góp phần làm rõ vai trò, vị thế của phụ nữ trong công cuộc đổi mới hiện nay. Trên cơ sở đó góp phần nâng cao chất lượng công tác giáo dục pháp luật cho phụ nữ

- Các giải pháp mà luận văn nêu ra có thể sử dụng trong công tác giáo dục pháp luật cho riêng từng nhóm đối tượng phụ nữ trong cả nước.

- Luận văn có thể làm tài liệu tham khảo trong công tác giáo dục pháp luật cho Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam và hệ thống Hội các cấp.

- Luận văn cũng có thể làm tài liệu tham khảo trong công tác giáo dục pháp luật đối với các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể trong hệ thống chính trị xã hội ở Việt Nam.

8. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề cơ bản về giáo dục pháp luật cho phụ nữ.

Chương 2: Thực trạng việc giáo dục pháp luật cho phụ nữ ở nước ta hiện nay.

Chương 3: Tăng cường giáo dục pháp luật cho phụ nữ nước ta trong giai đoạn hiện nay - phương hướng và giải pháp.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO PHỤ NỮ

1.1. Khái niệm về giáo dục pháp luật cho phụ nữ

1.1.1. Khái niệm giáo dục pháp luật

Đến nay, khái niệm về giáo dục pháp luật ở nước ta đã được nghiên cứu một cách tương đối đầy đủ và có hệ thống. Có nhiều quan niệm khác nhau về khái niệm giáo dục pháp luật. Về cơ bản có các quan niệm sau đây:

- *Quan niệm thứ nhất* cho rằng, pháp luật là qui tắc xử sự có tính bắt buộc chung. Mọi công dân đều phải có nghĩa vụ tuân thủ pháp luật, do đó không cần đặt vấn đề giáo dục pháp luật.

- *Quan niệm thứ hai*, đồng nhất hoặc coi giáo dục pháp luật là một bộ phận của giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục đạo đức.

- *Quan niệm thứ ba*, coi giáo dục pháp luật đồng nhất với việc tuyên truyền, giới thiệu, phổ biến các văn bản pháp luật.

Các quan niệm nói trên còn mang tính phiến diện, một chiều, chưa thấy hết đặc thù, sự tác động của giáo dục pháp luật, nên đã vô tình hoặc cố ý hạ thấp vai trò, giá trị xã hội của giáo dục pháp luật.

Theo nghĩa rộng, giáo dục là quá trình ảnh hưởng của nhiều điều kiện khách quan.

Theo nghĩa hẹp, giáo dục là hoạt động có ý thức, có mục đích, có kế hoạch của chủ thể giáo dục tác động lên khách thể giáo dục, nhằm đạt được các mục tiêu nhất định.

Trong thực tiễn, tuy thừa nhận ảnh hưởng của các điều kiện khách quan là to lớn đối với việc hình thành ý thức cá nhân con người, các nhà lý luận, các nhà khoa học sư phạm vẫn nhấn mạnh đến yếu tố tác động hàng đầu, cực kỳ quan trọng, thậm chí mang yếu tố quyết định của nhân tố chủ quan trong giáo dục. Vì thế, khái niệm giáo dục hiện nay thường được hiểu theo nghĩa hẹp.

Tóm lại, khái niệm giáo dục pháp luật được hiểu: *là hoạt động có định hướng, có tổ chức, có chủ định của chủ thể giáo dục, tác động lên đối tượng giáo dục nhằm hình thành ở họ tri thức pháp luật, tình cảm và hành vi phù hợp với các đòi hỏi của hệ thống pháp luật hiện hành.*

1.1.2. Khái niệm về giáo dục pháp luật cho phụ nữ

Giáo dục pháp luật cho phụ nữ là một phần trong giáo dục pháp luật nói chung, tuy nhiên đã được cụ thể hóa về đối tượng được giáo dục. Khác với nam giới phụ nữ có những đặc điểm riêng về tâm sinh lý, nhận thức, trình độ rất khác nhau giữa các vùng, miền...nên đòi hỏi có sự giáo dục riêng cho phù hợp.

Từ khái niệm về giáo dục pháp luật, chúng ta có thể hiểu rằng giáo dục pháp luật cho phụ nữ *là hoạt động có định hướng, có tổ chức, có chủ định của chủ thể giáo dục, tác động lên phụ nữ nhằm hình thành ở họ tri thức pháp luật, tình cảm và hành vi phù hợp với các đòi hỏi của hệ thống pháp luật hiện hành.*

1.1.3. Mục đích của giáo dục pháp luật cho phụ nữ

Việc xác định đúng đắn các mục đích xã hội cần phải đạt được trong quá trình giáo dục pháp luật, có vai trò quan trọng trong lý luận và thực tiễn giáo dục pháp luật. Bởi vì, các phạm trù, nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật phần lớn phụ thuộc vào việc xác định những mục đích xã hội nào được đặt ra trước quá trình giáo dục. Mục đích của giáo dục pháp luật cho phụ nữ cũng thế, đòi hỏi phải đáp ứng được các yêu cầu cụ thể của xã hội đối với từng giai đoạn, trong các điều kiện lịch sử cụ thể. Theo quan điểm chung của nhiều nhà khoa học, giáo dục pháp luật cho phụ nữ bao gồm các mục đích cơ bản sau đây:

- *Mục đích thứ nhất*: Hình thành, làm sâu sắc từng bước mở rộng hệ thống tri thức pháp luật của phụ nữ (mục đích nhận thức).

- *Mục đích thứ hai*: Hình thành ý thức và lòng tin của phụ nữ đối với pháp luật (mục đích cảm xúc).

- *Mục đích thứ ba*: Hình thành động cơ, hành vi và thói quen xử sự theo pháp luật (mục đích hành vi).

1.1.4. Nội dung và hình thức của giáo dục pháp luật cho phụ nữ

1.1.4.1. Nội dung của giáo dục pháp luật cho phụ nữ

Những nội dung chủ yếu của giáo dục pháp luật cho phụ nữ ở nước ta giai đoạn hiện nay, trên cơ sở lý luận và thực tiễn, được xác định theo những mức độ, tầng cấp độ khác nhau tùy theo từng nhóm đối tượng. Căn cứ vào nhu cầu và

vị trí xã hội của người phụ nữ, người ta phân định nội dung giáo dục pháp luật thành ba mức, cấp độ khác nhau sau đây: *Một là*, mức độ tối thiểu về giáo dục pháp luật phổ cập cho mọi công dân trong đó có phụ nữ; *Hai là*, mức độ giáo dục pháp luật theo nhu cầu ngành nghề của những phụ nữ hoạt động trong các lĩnh vực kinh tế kỹ thuật, văn hóa xã hội; *Ba là*, mức độ giáo dục chuyên luật, đây là mức độ cao nhất của nội dung giáo dục pháp luật, nhằm mục đích đào tạo cho phụ nữ là các luật gia, cán bộ làm công tác pháp luật trong bộ máy nhà nước và các tổ chức mang tính nghề nghiệp về pháp luật.

1.1.4.2. Hình thức giáo dục pháp luật cho phụ nữ

Có nhiều quan niệm khác nhau về hình thức giáo dục pháp luật. Xuất phát từ giáo dục học, khái niệm hình thức giáo dục được hiểu là: *Các hình thức tổ chức hoạt động phối hợp giữa người giáo dục và người được giáo dục nhằm chiếm lĩnh nội dung giáo dục và đạt mục đích giáo dục.* Trên cơ sở của khái niệm này, *hình thức giáo dục pháp luật được coi là các dạng cụ thể, có tổ chức phối hợp giữa chủ thể giáo dục pháp luật và đối tượng giáo dục pháp luật để thể hiện nội dung giáo dục pháp luật và đạt mục đích giáo dục pháp luật.* Qua thực tiễn cũng như qua nghiên cứu lý luận về nguyên tắc, nội dung, chủ thể, đối tượng giáo dục pháp luật, hình thức giáo dục pháp luật được chia làm hai loại:

- Các hình thức giáo dục pháp luật cho phụ nữ mang tính phổ biến, truyền thống của giáo dục chính trị tư tưởng và hình thức giáo dục pháp luật đặc thù.

1.1.5. Chủ thể, khách thể, đối tượng giáo dục pháp luật cho phụ nữ

1.1.5.1. Chủ thể giáo dục pháp luật cho phụ nữ

Theo lý luận giáo dục học thì chủ thể giáo dục là thầy cô giáo và tất cả những người làm công tác giáo dục khác. Vận dụng vào giáo dục pháp luật, có thể hiểu: *Chủ thể giáo dục pháp luật cho phụ nữ là tất cả những người mà theo chức năng, nhiệm vụ hay trách nhiệm xã hội phải tham gia vào việc thực hiện các mục đích giáo dục pháp luật cho phụ nữ.* Các nghiên cứu lý luận và thực tiễn đã xác định và thừa nhận có hai loại chủ thể giáo dục pháp luật: chủ thể chuyên nghiệp và chủ thể không chuyên nghiệp với vị trí, nhiệm vụ, yêu cầu trình độ và kỹ năng giáo dục pháp luật khác nhau. Từ đó, có các hình thức, phương thức và phương pháp tiến hành hoạt động giáo dục pháp luật khác nhau.

1.1.5.2. Khách thể (đối tượng) giáo dục pháp luật cho phụ nữ

Khách thể theo quan niệm chung nhất là "đối tượng chịu sự tác động, chi phối của hành động trong quan hệ đối lập với đối tượng gây ra hành động gọi là

chủ thể". Từ quan niệm chung đó có thể đồng nhất khách thể với đối tượng chịu sự tác động. Trong lý luận giáo dục người ta cho rằng: Khách thể (hay đối tượng) giáo dục là cá nhân hay tập thể người được giáo dục, cụ thể trong khuôn khổ của đề tài nghiên cứu này thì đối tượng của giáo dục pháp luật là phụ nữ.

1.2. Các yếu tố tác động đến việc giáo dục pháp luật cho phụ nữ

1.2.1. Các yếu tố về truyền thống, văn hóa, phong tục tập quán.

Trước tiên nói đến phụ nữ Việt Nam là truyền thống đấu tranh anh dũng và lao động cần cù, thông minh, sáng tạo. Bên cạnh truyền thống lao động cần cù, thông minh, sáng tạo người phụ nữ Việt Nam còn có truyền thống đảm đang gánh vác việc gia đình. Trong xã hội hiện đại ngày nay, thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vai trò "nội tướng" của người phụ nữ tuy có thể khác đi, họ có thể không trực tiếp phải làm các công việc trong gia đình nhưng mọi việc gia đình họ vẫn là người phải lo toan, quán xuyến.

Định kiến giới "trọng nam, khinh nữ" đến nay vẫn còn tồn tại và ảnh hưởng không nhỏ đến vấn đề bình đẳng giới.

1.2.2. Yếu tố kinh tế, lao động - việc làm

Việt Nam là một trong những nước có tỷ lệ nữ tham gia hoạt động kinh tế ở mức cao (83% so với nam giới 85%). Tuy nhiên với quan niệm truyền thống đàn ông là "trụ cột" trong gia đình, hay "đàn ông xây nhà, đàn bà xây tổ ấm" thì thường phụ nữ chỉ đảm nhiệm các công việc nội trợ, việc có thu nhập thấp hơn và thời gian làm việc của phụ nữ thường dài hơn nam giới.

Phân công lao động trong gia đình ở nhiều vùng miền trên cả nước còn mang tính chất phân biệt theo giới rõ rệt. Công việc gia đình vẫn tập trung vào vai người phụ nữ là chủ yếu. Theo Nghiên cứu của Viện Khoa học và giới thì 88,8% phụ nữ đi chợ mua thức ăn, trong đó nam giới chỉ chiếm 5,5%, hay trong việc nấu cơm tỉ lệ tương ứng là 79,9 và 3,3%; việc giặt giũ là 73,3 và 2,8%.

1.2.3. Yếu tố về pháp luật đối với phụ nữ

Những thành quả Việt Nam đạt được trong sự nghiệp phát triển con người và bình đẳng giới là rất đáng tự hào, được cộng đồng quốc tế ghi nhận. Tuy nhiên, trong thực tiễn thì bên cạnh những thành tựu đạt được cũng đang tồn tại những khoảng cách giới đòi hỏi cần phải được sự quan tâm, nỗ lực phấn đấu thực hiện của cả hệ thống chính trị, trong đó Nhà nước có vai trò trung tâm.

Trong lĩnh vực chính trị phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các cơ quan nhà nước; Trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo cũng có những hạn chế như: tiếp cận với giáo dục của trẻ em gái và phụ nữ dân tộc thiểu số ở các vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn và trở ngại hơn so với các em trai và nam giới; Tỷ lệ nữ có học hàm, học vị cao còn quá thấp so với nam giới.

Định kiến giới và tư tưởng trọng nam giới hơn phụ nữ vẫn còn tồn tại khá phổ biến ở trong gia đình và một bộ phận dân cư trong xã hội; thời gian làm việc của phụ nữ thường dài hơn nam giới; trong gia đình, phụ nữ tham gia vào việc ra quyết định thấp hơn nam giới: Mặc dù đã có nhiều tiến bộ nhưng nhìn chung phụ nữ ít được quyền quyết định công việc gia đình so với nam giới.

Phân công lao động trong gia đình ở nhiều vùng miền trên cả nước còn mang tính chất phân biệt theo giới rõ rệt. Bạo lực gia đình đối với phụ nữ đã trở thành vấn đề được xã hội đặc biệt quan tâm và được nhà nước điều chỉnh bằng Luật Phòng chống bạo lực gia đình.

Nạn buôn bán phụ nữ và trẻ em đang là một hiện tượng nhức nhối ở nước ta hiện nay.

1.2.4. Yếu tố nhận thức của bản thân người phụ nữ

Cùng với sự phát triển của đất nước ngày càng có nhiều phụ nữ thành đạt, gánh vác những trọng trách quan trọng trong bộ máy Đảng, chính quyền, đoàn thể. Tuy nhiên còn một bộ phận phụ nữ còn tự ti, thụ động, thiếu nghị lực và ý chí vươn lên trong cuộc sống.

Có thể nói có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến việc bất bình đẳng giới, bạo lực gia đình, bị buôn bán như nguyên nhân về kinh tế, nghiện ngập, sự giáo dục của gia đình tuy nhiên có một nguyên nhân rất quan trọng đó là trình độ học vấn thấp. Thực tế đã chứng minh rằng với các gia đình có học vấn thấp tình trạng bạo lực, bất bình đẳng thường xảy ra phổ biến hơn các gia đình trung lưu, có giáo dục.

1.2.5. Yếu tố về năng lực chủ thể đi giáo dục pháp luật

Năng lực của chủ thể đi giáo dục pháp luật được hiểu là kiến thức, kỹ năng, sự hiểu biết về các quy định của pháp luật ở một trình độ nhất định trở lên và phương pháp truyền đạt tốt giúp người nghe, người học nắm được, hiểu đúng về các quy định của pháp luật.

Để đảm bảo các yêu cầu theo quy định, trong những năm gần đây đội ngũ báo cáo viên pháp luật cũng được củng cố, tăng cường cả về số lượng và chất

lượng. Bộ Tư pháp cũng đã phối hợp với các ban của Đảng ở Trung ương và các bộ, ngành, đoàn thể hữu quan (như Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung ương Hội luật gia Việt Nam, Ban Tuyên giáo Trung ương...) tổ chức được nhiều lớp tập huấn, bồi dưỡng tăng cường năng lực cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật và cán bộ, công chức các cơ quan, đơn vị, ngành đó.

1.3. Những đặc điểm cơ bản của giáo dục pháp luật cho phụ nữ

1.3.1. Phụ nữ ít quan tâm đến pháp luật hơn nam giới

Trong cuộc sống phụ nữ ít quan tâm đến pháp luật hơn nam giới. Xuất phát từ yếu tố truyền thống với phần lớn thời gian dành cho công việc nội trợ, chăm sóc gia đình, người phụ nữ không có thời gian để tự tìm hiểu hay tham gia các khóa tập huấn để nâng cao kiến thức của mình về các quy định của pháp luật.

Bên cạnh yếu tố truyền thống thì nhiều phụ nữ với bản chất rụt rè, nhút nhát, thiếu tự tin, tâm lý mặc cảm không có ý thức học hỏi nâng cao trình độ, hiểu biết của bản thân. Việc nhận thức đúng vai trò, vị trí của phụ nữ sẽ giúp phụ nữ tự tin hơn trong cuộc sống, vượt qua những rào cản của xã hội để vươn lên.

Tư tưởng định kiến giới còn tồn tại trong xã hội đã ảnh hưởng lớn đến sự tham gia của phụ nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội trong đó có các quy định của pháp luật.

1.3.2 Phụ nữ thường chỉ quan tâm đến một số văn bản pháp luật cơ bản có liên quan đến phụ nữ

Chỉ có 12.6% cho rằng phụ nữ cần biết tất cả các quy định của pháp luật. 82,4% phụ nữ được hỏi cho biết họ chỉ cần biết và hiểu rõ các quy định của pháp luật liên quan đến phụ nữ.

1.4. Quản lý nhà nước về giáo dục pháp luật cho phụ nữ

1.4.1. Các chính sách, quy định của pháp luật về giáo dục pháp luật cho phụ nữ

Vai trò và vị trí quan trọng của người phụ nữ đã được Bác Hồ nhận định: "Non sông gấm vóc Việt Nam do phụ nữ ta trẻ cũng như già, ra sức dệt thêu mà thêm tốt đẹp, rực rỡ" và Người cũng chỉ ra rằng: "Một số người chưa thấy rõ vai trò của phụ nữ hiện nay cũng như sau này nên còn tư tưởng xem thường phụ nữ". Trong quá trình đổi mới, nhận thấy rõ tầm quan trọng của công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, Đảng và Nhà nước ta đề ra nhiều biện pháp nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, nhân dân.

1.4.2. Các chủ thể tham gia quản lý nhà nước về giáo dục pháp luật

Chủ thể tham gia quản lý nhà nước về giáo dục pháp luật được hiểu là cơ quan, tổ chức được nhà nước giao quyền quản lý việc giáo dục pháp luật. Hiện nay ở nước ta cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục pháp luật bao gồm: Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp.

Chương 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO PHỤ NỮ NƯỚC TA HIỆN NAY

2.1. Thực trạng đời sống của phụ nữ ở nước ta hiện nay

Đất nước sau 25 năm đổi mới đã đạt nhiều thành tựu to lớn về chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và đối ngoại; hội nhập khu vực và quốc tế ngày càng sâu rộng; hệ thống luật pháp, chính sách về bình đẳng giới ngày càng hoàn thiện; nhận thức xã hội về bình đẳng giới, về vai trò phụ nữ có chuyển biến tích cực; phụ nữ có ý thức và nhu cầu cao hơn về các quyền cơ bản, quyền bình đẳng nam - nữ.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, phụ nữ hiện cũng đang phải đối diện với nhiều khó khăn, thách thức.

2.1.1. Phụ nữ nông thôn

Ở Việt Nam, phụ nữ nông thôn là lực lượng to lớn và quan trọng của quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn. Theo số liệu từ Tổng điều tra dân số năm 2009, phụ nữ chiếm 50,5% số người hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp (năm 1989 tỷ lệ này là 60%).

Quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn đang tạo nên những biến đổi mạnh mẽ trong đời sống của người nông dân Việt Nam hiện nay. Bên cạnh những yếu tố tích cực thì cũng có một số tác động không tích cực của quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa như: thiếu đất sản xuất nông nghiệp; di; di cư tìm việc làm; các tệ nạn xã hội phát sinh khi sống xa gia đình, người thân...Ngoài những thách đó, phụ nữ ở nông thôn - nguồn nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn còn có một số trở ngại như: về trình độ chuyên môn/kỹ thuật; về sức khỏe lao động nữ trong sản xuất nông nghiệp, nông thôn; phụ nữ ít có cơ hội tiếp cận quyền sở hữu ruộng đất.

2.1.2. Phụ nữ thành thị

Trong những năm qua, quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng ở nước ta, ngoài các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, các đô thị

đã được hình thành trước đây thì cũng có rất nhiều đô thị mới được hình thành. Số lượng dân số sống ở thành thị đã tăng lên nhanh chóng trong đó có phụ nữ chiếm 51,36% tổng dân số sống ở thành thị. Chúng ta thường nghĩ rằng sống ở thành thị sẽ có nhiều điều kiện thuận lợi hơn ở nông thôn tuy nhiên ở thành thị cũng có rất nhiều thách thức, khó khăn mà phụ nữ đang phải đối diện như: Sự phân hóa giàu nghèo diễn ra sâu sắc; áp lực về nhà ở; giao thông, học hành của con; cạnh tranh về việc làm.

2.1.3. Phụ nữ là công nhân lao động

Chiếm tỷ lệ cao trong các ngành chế biến, dệt may, dịch vụ (69,9%), thương mại (57,7%), bán buôn, bán lẻ (57,1%) và tham gia ngày càng nhiều hơn vào các ngành và lĩnh vực kinh tế có yêu cầu kỹ thuật, công nghệ cao (47,3%), đóng góp một phần không nhỏ vào sự phát triển chung của đất nước.

Mặc dù chiếm 48,5% lực lượng lao động trong các lĩnh vực của ngành công nghiệp Việt Nam tuy nhiên thực trạng đời sống của nữ công nhân chưa thực sự được quan tâm cả về vật chất lẫn tinh thần. Phần lớn nữ công nhân tại khu công nghiệp là người nhập cư và hầu hết chỉ học xong phổ thông. Hầu hết trong số họ là những học sinh vừa rời ghế nhà trường, còn thiếu kinh nghiệm, kỹ năng sống, thiếu hiểu biết về các quy định của pháp luật nói chung, đặc biệt là pháp luật về lao động, việc làm; chưa được trang bị các kiến thức về giới tính, sinh sản...nên gặp rất nhiều khó khăn trong cuộc sống.

2.1.4. Phụ nữ trí thức

Trong Nghị quyết số 27 - NQ/T.U "Về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước", Đảng ta quan niệm rằng "*Trí thức là những người lao động trí óc, có trình độ học vấn cao về lĩnh vực chuyên môn nhất định, có năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, truyền bá và làm giàu tri thức, tạo ra những sản phẩm tinh thần và vật chất có giá trị đối với xã hội*".

Tuy đã đạt được những thành công nhất định trong sự phát triển chung của đất nước nhưng đội ngũ nữ trí thức vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức như: khó khăn về việc làm; về định kiến giới vẫn còn tồn tại trong xã hội Việt Nam; những bất cập, khó khăn trong việc thực hiện các chính sách về công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ; trách nhiệm làm con, làm vợ, làm mẹ trong gia đình; thiếu thời gian để học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn.

2.2. Thực trạng của chính sách và việc thực hiện pháp luật về quyền phụ nữ

2.2.1 Các quyền và chính sách đối với phụ nữ theo pháp luật Việt Nam

Cùng với sự phát triển của các phong trào bình đẳng giới trên toàn thế giới, phụ nữ không còn bị coi là đối tượng yếu thế nhưng vẫn là đối tượng cần được

quan tâm do vẫn còn sự phân biệt đối xử cũng như sự gia tăng của nạn nhân bạo lực gia đình và buôn bán người trên toàn thế giới. Trải qua nhiều thập kỷ đấu tranh bảo vệ quyền của phụ nữ, các quy định của pháp luật Việt Nam đã được xây dựng tương đối đồng bộ trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

2.2.2.1. Các quyền của phụ nữ theo pháp luật Việt Nam

Các quyền cơ bản của phụ nữ cũng là các quyền cơ bản của con người đã được thừa nhận tại Công ước Quốc tế về bảo vệ quyền con người. Trong quá trình xây dựng và phát triển, pháp luật Việt Nam đã được xây dựng theo hướng bao gồm các quy định về quyền và nghĩa vụ của phụ nữ trên các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và các cơ chế đảm bảo thực hiện các quyền thông qua các hoạt động của các cơ quan nhà nước và các tổ chức xã hội.

So với các công ước quốc tế về quyền con người nói chung và quyền phụ nữ nói riêng về cơ bản pháp luật Việt Nam đã bảo đảm được các quyền của phụ nữ và có những quy định phát triển trong điều kiện Việt Nam.

2.2.2.2. Việc thực hiện pháp luật về quyền của phụ nữ

Các quyền của phụ nữ theo pháp luật Việt Nam được xây dựng dựa trên nguyên tắc không phân biệt đối xử và nguyên tắc bảo đảm việc thực thi các quyền của phụ nữ trong thực tế bằng pháp luật và các biện pháp thích hợp. Tuy nhiên trên thực tế, quyền của phụ nữ vẫn còn bị xâm phạm trên các lĩnh vực với nhiều nguyên nhân như: bản thân các quy định còn chung chung khó thực hiện, trình độ, năng lực của người thực thi pháp luật và của bản thân người phụ nữ.

2.3. Thực trạng về giáo dục pháp luật cho phụ nữ hiện nay

2.3.1. Kế hoạch về tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho phụ nữ đến năm 2012 của Hội LHPN Việt Nam

Để từng bước xây dựng nhà nước pháp quyền, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là phải tuyên truyền giáo dục pháp luật; bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của các văn bản quy phạm pháp luật được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Giáo dục pháp luật trong nhà nước pháp quyền có vai trò quan trọng và trở thành một bộ phận không thể thiếu trong giáo dục công dân.

Trên cơ sở của đề án "Tuyên truyền phổ biến pháp luật cho phụ nữ nông dân và phụ nữ dân tộc thiểu số từ năm 2009 đến năm 2012" của Chính phủ, Hội đã xây dựng đề án "Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho phụ nữ từ năm 2009 -2012" với những mục tiêu chung là:

- Nâng cao hiểu biết của phụ nữ về những quy định của pháp luật liên quan đến bình đẳng giới, hôn nhân gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình, buôn bán

phụ nữ trẻ em, nuôi con nuôi, khiếu nại, tố cáo, ma túy, mại dâm, phòng, chống tội phạm, luật kinh doanh, luật lao động. Qua đó nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, giảm thiểu các hành vi vi phạm pháp luật cho phụ nữ;

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho phụ nữ

Trong đó hướng đến các mục tiêu cụ thể sau: Từ 70% trở lên phụ nữ được tuyên truyền, phổ biến pháp luật; đào tạo 5.000 báo cáo viên, tuyên truyền viên chủ chốt từ cấp trung ương đến cơ sở của 63 tỉnh, thành được trang bị kiến thức, kỹ năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật, có khả năng tổ chức các hoạt động truyền thông đạt hiệu quả tại cộng đồng

Đề có cơ sở xây dựng kế hoạch triển khai Tiểu Đề án nhằm thực hiện việc tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cho đối tượng là phụ nữ căn cứ Kế hoạch số 97/KH-ĐCT ngày 22/9/2009 Đoàn Chủ tịch tổ chức khảo sát, đánh giá thực trạng công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho phụ nữ nông dân và phụ nữ dân tộc thiểu số xác định rõ nhu cầu cụ thể của phụ nữ về nội dung, hình thức thích hợp làm cơ sở lập kế hoạch triển khai thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho từng đối tượng.

2.3.2. Thực trạng của giáo dục pháp luật cho phụ nữ

2.3.2.1. Về nội dung giáo dục pháp luật

Qua số liệu khảo sát cho thấy đa số đã được nghe tuyên truyền về pháp luật trong đó 91,1% số phụ nữ được hỏi đã nghe tuyên truyền, giáo dục Pháp luật hôn nhân và gia đình. Điều đó có thể khẳng định pháp luật về hôn nhân gia đình được số lượng phụ nữ quan tâm nhiều nhất vì nó gắn chặt với quyền lợi, nghĩa vụ của người phụ nữ như: tuổi kết hôn, tài sản của vợ chồng trước và sau khi kết hôn, vấn đề về ly hôn, cấp dưỡng, chăm sóc ông bà, cha mẹ.

2.3.2.2. Hình thức giáo dục pháp luật

Thông qua số liệu cho thấy 81.3% phụ nữ được hỏi đã tiếp cận với các nội dung của giáo dục pháp luật thông qua tuyên truyền miệng. Tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn cũng là một hình thức được áp dụng rộng rãi, bởi tập huấn có thể cùng lúc tuyên truyền được cho nhiều người, do đó có đến 73.4% phụ nữ được hỏi đã tiếp cận với hình thức giáo dục này.

2.3.2.3. Cơ quan, tổ chức, báo cáo viên làm công tác giáo dục pháp luật

Trong những năm gần đây thực hiện sự chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Chính phủ nên nhiều các cơ quan, tổ chức đều tham gia tuyên truyền, phổ biến, giáo dục cho người dân nói chung và phụ nữ nói riêng. Với điều kiện thuận lợi là tổ chức chính trị xã hội, có lực lượng hội viên đông đảo và được tổ chức theo hệ

thống từ Trung ương xuống địa phương nên có đến 75.9% số phụ nữ được hỏi biết Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và 47.5% biết Hội Nông dân có hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

2.3.2.4. Vấn đề trợ giúp pháp lý cho phụ nữ

Ở Việt Nam, phụ nữ chiếm trên 1/2 dân số song lại thường là đối tượng yếu thế, ít được tiếp cận với pháp luật, là nạn nhân của các nạn bạo lực gia đình, buôn bán phụ nữ, nghèo đói và phụ thuộc. Mặc dù pháp luật Việt Nam chưa quy định phụ nữ nói chung là người được trợ giúp pháp lý miễn phí (trừ phụ nữ nghèo, phụ nữ thuộc diện người được trợ giúp pháp lý), nhưng trong khuôn khổ một số dự án quốc tế, ngoài việc thực hiện trợ giúp pháp lý cho người được trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật, các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý đã thực hiện trợ giúp pháp lý cho phụ nữ là nạn nhân của bạo lực gia đình và nạn nhân của tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em.

Chương 3

TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO PHỤ NỮ NƯỚC TA TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY - PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP

3.1 Sự cần thiết phải giáo dục pháp luật cho phụ nữ trong giai đoạn hiện nay

Mục tiêu của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền ở nước ta là xây dựng một Nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân, nhà nước của khối đại đoàn kết dân tộc đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Để đảm bảo tự do dân chủ của nhân dân đòi hỏi nhà nước "phải tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, công dân có trách nhiệm với nhà nước như thế nào thì nhà nước cũng phải có trách nhiệm đối với công dân như thế ấy" [3, tr. 97]. Để làm được điều đó đòi hỏi phải mỗi công dân phải hiểu và và đúng các quy định pháp luật. Để bảo vệ được quyền và lợi ích cơ bản của bản thân, gia đình bắt buộc người phụ nữ phải hiểu biết pháp luật.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của pháp luật trong đời sống xã hội đối với người phụ nữ, tuy nhiên để giáo dục có hiệu quả thì cần phải xác định nhu cầu của họ về những nội dung họ mong muốn được hiểu biết, hình thức, cơ quan nào tuyên truyền, giáo dục đối với họ hiệu quả cao nhất.

3.2 Những nhu cầu thực tiễn về giáo dục pháp luật cho phụ nữ

Để có thể đưa ra phương hướng và những giải pháp sát đúng với thực tế hiện nay, phù hợp với yêu cầu của công tác giáo dục pháp luật của phụ nữ tôi đã

tiến hành khảo sát về nhu cầu hiểu biết pháp luật phụ nữ theo đại diện các vùng miền, các đối tượng phụ nữ trong cả nước (với 1.560 phiếu khảo sát).

Kết quả khảo sát đã được tổng hợp theo từng vấn đề sau đây:

3.2.1. Về nhận thức chung của phụ nữ về nhu cầu hiểu biết pháp luật

Có tới 82.4% phụ nữ được hỏi cho rằng "phụ nữ chỉ cần biết và hiểu rõ các quy định của pháp luật liên quan đến phụ nữ". Có lẽ để phụ nữ hiểu và làm đúng những quy định liên quan đến phụ nữ cũng là một thành công đáng mừng trong công tác giáo dục pháp luật cho phụ nữ, bởi lẽ những quy định liên quan trực tiếp đến đời sống của người phụ nữ cũng rất nhiều: như Luật dân sự, Luật Hôn nhân gia đình, Luật Phòng chống bạo lực gia đình, Luật Bình đẳng giới. Chỉ có 20.6% phụ nữ cho rằng "phụ nữ không cần biết các quy định của pháp luật vì đó là việc của cơ quan nhà nước", đây cũng là một kết quả cho thấy ngày càng nhiều phụ nữ quan tâm và mong muốn hiểu biết pháp luật để bảo vệ được quyền và lợi ích chính đáng của bản thân cũng như gia đình.

3.2.2. Về nhu nội dung pháp luật được giáo dục

Qua số liệu cho thấy, hầu hết các nội dung pháp luật liên quan nhiều, trực tiếp đến phụ nữ thì nhu cầu được giáo dục đều cao như: Pháp luật về Bình đẳng giới, Luật Hôn nhân gia đình, Luật Phòng chống bạo lực gia đình, Luật Dân sự... Những nội dung pháp luật trên trong những năm qua cũng đã được Hội LHPN Việt Nam tuyên truyền, phổ biến, giáo dục rộng rãi tới đông đảo phụ nữ, tuy nhiên mỗi chị em lại có cách tiếp cận, nhận thức khác nhau nên có thể được tuyên truyền, giáo dục rồi nhưng vẫn có nhu cầu tìm hiểu sâu hơn. Hoặc cá biệt có những phụ nữ chưa hề nghe đến Luật Phòng chống bạo lực gia đình (*mặc dù đã được thông qua từ năm 2007*), tuy nhiên sau khi nghe cán bộ khảo sát giải thích đã lựa chọn muốn được tuyên truyền, phổ biến giáo dục về Luật này.

3.2.3. Nhu cầu về hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp

Có rất nhiều hình thức về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được đưa ra cho chị em lựa chọn, qua số liệu cho thấy hình thức tuyên truyền miệng được 79.4% phụ nữ cho là phù hợp đặc biệt là đối với nhóm phụ nữ nông thôn, phụ nữ dân tộc thiểu số có trình độ thấp, nhiều người không biết chữ, điều này phù hợp với đặc tính của phần lớn phụ nữ. Tuy nhiên cần tăng cường các hình thức giáo dục như: tổ chức hội thi, phiên tòa lưu động, các hình thức trợ giúp pháp lý vì đây là những hình thức giáo dục trực quan, sinh động mang lại mang tính chuyên môn cao nên hiệu quả giáo dục cao hơn.

3.2.4. Nhu cầu về hình thức tài liệu tuyên truyền phổ biến pháp luật

Tương đồng với nội dung về hình thức tuyên truyền ưa thích, mong muốn, thì trong trả lời nội dung câu hỏi về hình thức tài liệu mà chị em thích sử dụng khi được tuyên truyền phổ biến pháp luật thì cũng cho thấy tỷ lệ trên 70% chị em thích các hình thức tuyên truyền như đề cương tuyên truyền, bản tin, tờ tin...

3.3. Phương hướng tăng cường giáo dục pháp luật cho phụ nữ hiện nay

3.3.1. Xây dựng kế hoạch, chương trình giáo dục pháp luật cho phụ nữ

Với vai trò là cơ quan đại diện cho phụ nữ, có chức năng tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Hội cần phải chủ động xây dựng Kế hoạch/Chương trình giáo dục pháp luật cho phụ nữ có tầm chiến lược, lâu dài được Chính phủ phê duyệt. Nội dung Kế hoạch/chương trình/Đề án tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm: Vận động, hỗ trợ phụ nữ thực hiện các chủ trương, chính sách, rèn luyện phẩm chất đạo đức, nâng cao năng lực về mọi mặt: tham mưu đề xuất, tham gia xây dựng, phản biện và giám sát luật pháp, chính sách về bình đẳng giới.

3.3.2. Phối hợp với các bộ, ngành liên quan tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật cho phụ nữ

Tăng cường công tác Phối hợp với các bộ, ban, ngành liên quan để tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho phụ nữ trong thời gian tới; phi hợp với các Văn phòng Luật sư, Trung tâm trợ giúp pháp lý của Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố để tổ chức giáo dục pháp luật cho phụ nữ.

3.3.3. Xây dựng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên về pháp luật

- Có chính sách khuyến khích phụ nữ tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật; xy dựng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên đủ tiêu chuẩn đáp ứng yêu cầu giáo dục pháp luật ngày càng cao của phụ nữ.

3.3. Các giải pháp cơ bản về tăng cường giáo dục pháp luật cho phụ nữ trong giai đoạn hiện nay

3.3.1. Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về giáo dục pháp luật cho phụ nữ

Có thể nói hiện nay hệ thống pháp luật quy định quyền và nghĩa vụ của công dân nói chung và của phụ nữ tương đối đầy đủ, có hệ thống, tuy nhiên các quy định này còn dàn trải ở nhiều văn bản, nhiều quy định còn mang tính định khung...khó khăn cho việc giáo dục và tiếp nhận các quy định của pháp luật đối với phụ nữ. Để từng bước hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về giáo dục

pháp luật cho phụ nữ cần thực hiện một số việc sau: Hoàn thiện và sớm ban hành Luật phổ biến, giáo dục pháp luật trong đó có những quy định cụ thể liên quan đến vấn đề giáo dục pháp luật cho phụ nữ; hoàn thiện các quy định của Pháp luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ của phụ nữ, đảm bảo tính thực thi cao; có chính sách động viên, khuyến khích cán bộ nữ tham gia làm công tác giáo dục pháp luật; Tăng cường việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong nhân dân, nhà trường, cơ quan, nhà máy... tạo thành một hệ thống đồng bộ.

3.3.2. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho phụ nữ

Để thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho phụ nữ trong cả nước cần: *Một là:* Tiếp tục thực hiện chương trình, đề án tổng thể của Chính phủ về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân trong đó đặc biệt chú trọng đến việc giáo dục pháp luật cho phụ nữ. *Hai là:* Lựa chọn nội dung giáo dục pháp luật phù hợp cho từng đối tượng, từng địa bàn, khu vực khác nhau: phụ nữ là nông dân; Phụ nữ là doanh nhân; Phụ nữ là trí thức, phụ nữ là công nhân lao động. *Ba là:* Xây dựng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên về pháp luật hội tụ đủ các tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Tư pháp, đặc biệt am hiểu về các vấn đề phụ nữ. *Bốn là:* Đẩy mạnh công tác phối kết hợp giữa Hội và các đoàn thể, chính quyền địa phương từ TW xuống địa phương.

3.3.3. Kết hợp giáo dục pháp luật với các lĩnh vực giáo dục đào tạo khác đặc biệt là giáo dục phẩm chất đạo đức cho phụ nữ

Như chúng ta đã biết "giáo dục một người đàn ông, chúng ta được một người đàn ông, giáo dục một người phụ nữ chúng ta được một gia đình..." mà mỗi một gia đình hạnh phúc và nền tảng cho một xã hội văn minh, tiến bộ. Xác định được tầm quan trọng trong việc bảo tồn và kế thừa có chọn lọc truyền thống tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam, Hội LHPN Việt Nam đã xây dựng Đề án "*Tuyên truyền, giáo dục phẩm chất đạo đức cho phụ nữ Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015*" và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2010. Với đề án này Hội bên cạnh việc tuyên truyền về đường lối, chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước Hội sẽ tuyên truyền giáo dục những phẩm chất đạo đức đã được cả xã hội thừa nhận và tôn vinh của người phụ nữ Việt Nam. Trải qua hàng ngàn năm dựng nước và giữa nước của dân tộc, hình ảnh người phụ nữ Việt Nam với 8 chữ vàng được Bác Hồ trao tặng "anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang" đã và đang được các thế hệ phụ nữ tiếp tục gìn giữ và phát huy với những tiêu chí mới trong thời kỳ hội nhập.

3.3.4. Tăng cường, đa dạng các hình thức giáo dục pháp luật cho phụ nữ thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan tham gia giáo dục pháp luật cho phụ nữ

Mỗi đối tượng phụ nữ lại có những điều kiện thuận lợi khác nhau trong việc tiếp cận các phương tiện thông tin đại chúng khác nhau, từ đó chủ thể tuyên truyền phải xác định từng đối tượng để có hình thức tuyên truyền phù hợp.

Phát thanh, truyền hình là phương tiện thông tin đại chúng có thể nói là phù hợp với mọi đối tượng phụ nữ. Hầu hết phụ nữ được hỏi đã đều cho rằng đã được nghe tuyên truyền pháp luật thông qua Đài phát thanh và truyền hình (qua các chuyên mục "Pháp luật và đời sống", "Luật sư của bạn", "Tòa Tuyên án", "giới thiệu văn bản pháp luật mới" v.v...).

Ngoài phát thanh, truyền hình, thì hệ thống báo chí, qua các văn phòng luật sư, các tổ chức chính trị xã hội cũng là một kênh quan trọng trong việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho phụ nữ.

3.3.5. Thành lập các trung tâm tư vấn pháp luật cho phụ nữ

Xây dựng và ký kết chương trình phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý với các tổ chức chính trị xã hội, trong đó có Chương trình phối hợp số 14/2002/CTPH-TP-PN ngày 02/10/2002 giữa Bộ Tư pháp và Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam về trợ giúp pháp lý và phổ biến giáo dục cho phụ nữ; mNghiên cứu, xây dựng các chuyên đề về trợ giúp pháp lý cho phụ nữ; tổ chức các lớp tập huấn cập nhật kiến thức pháp luật và kỹ năng trợ giúp pháp lý cho phụ nữ cho đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý và tổ chức nói chuyện pháp luật chuyên đề về những lĩnh vực pháp luật mà chị em phụ nữ quan tâm; nhiên cứu, thực hiện lồng ghép giới trong hoạt động trợ giúp pháp lý; đẩy mạnh hoạt động trợ giúp pháp lý cho người được trợ giúp pháp lý nói chung và cho phụ nữ nói riêng, đặc biệt là những đối tượng phụ nữ dễ bị tổn thương: nạn nhân bị buôn bán trở về, phụ nữ khuyết tật, đơn thân; triển khai đa dạng các hoạt động trợ giúp pháp lý miễn phí ở các phạm vi khác nhau.

3.3.6 Tiếp tục thực hiện có hiệu quả và mở rộng Đề án "Cấp báo Phụ nữ Việt Nam không thu tiền cho Hội LHPN xã, chi Hội phụ nữ các xã đặc biệt khó khăn, chi hội phụ nữ thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc xã vùng II"

Báo phụ nữ Việt Nam cùng với Nhà xuất bản phụ nữ Việt Nam là hai cơ quan truyền thông quan trọng để truyền tải những quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước đến với người dân nói chung và phụ nữ nói riêng. Có thể nói Báo phụ nữ Việt Nam là một hình thức giáo dục pháp luật cho phụ nữ tương đối hiệu quả. Tuy nhiên, đối với những khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn thì do điều kiện kinh tế còn hạn chế do đó

việc tiếp cận với Báo cũng hết sức khó khăn. Hội LHPN Việt Nam đã xây dựng Đề án "Cấp báo Phụ nữ Việt Nam không thu tiền cho Hội LHPN xã, chi Hội phụ nữ các xã đặc biệt khó khăn, chi hội phụ nữ thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc xã vùng II" được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2010.

Để Báo Phụ nữ Việt Nam đến với cộng đồng, đặc biệt là phụ nữ vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn như một hình thức giáo dục pháp luật hiệu quả, trong thời gian tới Hội LHPN Việt Nam cần thực hiện một số biện pháp sau: Phối hợp với Ủy ban Dân tộc tiếp tục rà soát, tổng hợp danh sách các xã và các chi hội khó khăn để tiếp tục xin Chính phủ phê duyệt Đề án trong giai đoạn tiếp theo; Tăng cường các thông tin pháp luật trên các kỳ báo, đặc biệt là những quy định của pháp luật liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của phụ nữ.

3.3.7. Bảo đảm kinh phí trong công tác giáo dục pháp luật cho phụ nữ

Để có nguồn kinh phí giúp cho công tác giáo dục pháp luật cho phụ nữ thực sự hiệu quả Hội LHPN Việt Nam cần:

- Xây dựng kế hoạch kinh phí hàng năm trong đó có kinh phí riêng cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; bảo đảm đáp ứng kịp thời, đầy đủ về kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện cho các hoạt động này.

- Vận động nguồn lực cho công tác giáo dục pháp luật thông qua việc phối hợp với các doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ, các cá nhân có tiềm lực.

- Huy động nguồn lực của mỗi địa phương để đa dạng hóa các hình thức giáo dục nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.

3.3.8. Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm đối với những mô hình, câu lạc bộ pháp luật hiệu quả đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm những vi phạm kỷ luật, pháp luật của cán bộ, công chức

Hiện nay Hội LHPN Việt Nam có rất nhiều mô hình, Câu lạc bộ pháp luật đang hoạt động như: Câu lạc bộ phụ nữ với pháp luật, câu lạc bộ "tổ phụ nữ không có chồng, con, người thân vi phạm pháp luật", các tổ, nhóm trợ giúp, tư vấn pháp lý... Tuy nhiên để đánh giá mô hình nào hoạt động có hiệu quả, cần có sự đánh giá rút kinh nghiệm để tìm ra những điểm được, điểm hạn chế trong từng mô hình để nhân rộng hoặc thay đổi cho phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội từng địa phương. Kịp thời biểu dương khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện công tác giáo dục pháp luật cho phụ nữ. Tăng cường việc kiểm tra, giám sát bởi đây là một khâu quan trọng trong công tác giáo dục pháp luật cho phụ nữ.

Trên đây là một số giải pháp cơ bản, được xây dựng trên cơ sở đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về công tác giáo dục pháp luật cho phụ nữ trong thời gian tới. Ngoài những chủ trương, chính sách, pháp luật; những

định hướng chung cho công tác giáo dục pháp luật nói chung các giải pháp trong luận văn này được xây dựng trên cơ sở phương hướng, nhiệm vụ về công tác giáo dục pháp luật cho phụ nữ giai đoạn 2010 - 2015 và những năm tiếp theo. Đặc biệt, các giải pháp được đề ra căn cứ vào trình độ, kiến thức pháp luật, về nhu cầu hiểu biết pháp luật của phụ nữ theo từng đối tượng cụ thể. Các giải pháp nêu trên đều có sự liên quan và đều xuất phát từ một mục đích chung là trang bị và nâng cao kiến thức pháp luật cho phụ nữ nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý nhà nước, quản lý xã hội trong giai đoạn mới, giai đoạn xây dựng Nhà nước ta là "Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân" mà Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi 2002) đã xác định .

KẾT LUẬN

Những năm gần đây, công tác giáo dục pháp luật cho phụ nữ đã được quan tâm và đạt được những kết quả đáng kể. Tuy vậy, so với yêu cầu của công cuộc Công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước thì công tác giáo dục pháp luật cho phụ nữ cần được quan tâm nhiều hơn nữa mới có thể đáp ứng với yêu cầu mới.

Làm thế nào để công tác giáo dục pháp luật cho phụ nữ trong giai đoạn hiện nay được hiệu quả cao? Đó là mục đích và cũng là nội dung cơ bản của luận văn này.

Quá trình nghiên cứu và hoàn tất luận văn, tác giả đã cố gắng làm sáng tỏ những vấn đề cơ bản về lý luận giáo dục pháp luật nói chung và giáo dục pháp luật cho phụ nữ nói riêng. Luận văn cũng đã đề cập nhiều vấn đề liên quan đến thực tiễn về công tác giáo dục pháp luật nói chung và giáo dục pháp luật cho phụ nữ. Kết quả nghiên cứu của luận văn là cơ sở để tác giả đưa ra những kết luận sau đây:

1. Giáo dục pháp luật là một hoạt động có định hướng, có tổ chức, có chủ định của chủ thể giáo dục, tác động lên đối tượng giáo dục nhằm hình thành ở họ những tri thức pháp luật, tính cách và hành vi phù hợp với yêu cầu của pháp luật. Giáo dục pháp luật có mối quan hệ chặt chẽ với giáo dục chính trị, giáo dục đạo đức... Vì vậy, việc giáo dục pháp luật sẽ đạt kết quả tốt hơn trong sự phối hợp đồng bộ giữa giáo dục pháp luật với giáo dục các lĩnh vực khác.

2. Phụ nữ chiếm hơn 50% dân số là lực lượng lao động, sản xuất trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Nếu phụ nữ hiểu biết pháp luật tốt, có ý thức tôn trọng và bảo vệ pháp luật thì hoạt động vi phạm pháp luật sẽ giảm, xã hội ổn định. Ngược lại, nếu phụ nữ mà ý thức pháp luật kém, có hành vi vi phạm pháp luật sẽ có tác động xấu đến xã hội, bởi phụ nữ hiểu, thực hiện tốt các quy định của pháp luật không chỉ tốt cho bản thân người phụ nữ mà họ còn giúp chồng, con thực hiện tốt các quy định của pháp luật. Hơn nữa, việc nâng cao ý thức pháp luật của người dân, đặc biệt là phụ nữ vai trò quan

trọng trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền, dân chủ hóa đời sống xã hội, duy trì trật tự, kỷ cương xã hội. Vì vậy, giáo dục pháp luật cho phụ nữ là việc làm hết sức cần thiết.

3. Phụ nữ Việt Nam vốn có truyền thống "anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang" đã được truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác. Ngày nay trong cuộc sống mới những phẩm chất truyền thống của người phụ không những được tiếp tục phát huy với những tiêu chí phù hợp với thời đại mới mà còn giúp cho phụ nữ ngày càng năng động, tự tin, bản lĩnh tham gia vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Tuy nhiên với trình độ không đồng đều giữa các vùng, miền, các dân tộc, thành thị, nông thôn giúp cho việc tiếp cận vấn đề giáo dục của phụ nữ cũng khác nhau. Do đó việc nâng cao trình độ, kiến thức của phụ nữ nói chung là việc cần thiết. Để nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn và pháp luật cơ bản cho phụ nữ cần có chiến lược lâu dài, đầu tư cả nhân lực, vật lực, huy động sự tham gia của mọi cấp, mọi ngành, có như vậy mới từng bước xây dựng được nhà nước pháp quyền như định hướng của Đảng.

4. Trong công tác giáo dục pháp luật cho phụ nữ có nhiều hình thức. Mỗi hình thức có những thuận lợi và hạn chế riêng. Mỗi đối tượng phụ nữ lại cần có những hình thức giáo dục riêng. Như đối với phụ nữ là cán bộ, công chức, nữ trí thức, doanh nhân thì hình thức cơ bản nhất, đáp ứng yêu cầu cao nhất cho phụ nữ là tuyên truyền. Giáo dục pháp luật bằng hình thức đào tạo, bồi dưỡng ở trường, cán bộ, công chức được trang bị những kiến thức cơ bản, có hệ thống. Học viên có điều kiện trình bày quan điểm của mình trước những vấn đề mà thực tiễn quản lý đang đặt ra và được trao đổi kinh nghiệm với đồng nghiệp ở cơ quan, đơn vị khác. Cần nhận thức rõ thế mạnh của loại hình giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức qua đào tạo, bồi dưỡng ở trường để có biện pháp củng cố, xây dựng các cơ sở này. Hội nghị, hội thảo, phát thanh truyền hình, báo chí,... cũng là những hình thức giáo dục pháp luật được đông đảo cán bộ, công chức quan tâm. Còn đối với phụ nữ là nông dân, đồng bào dân tộc thiểu số thì hình thức tuyên truyền miệng, tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng là hình thức phù hợp nhất. Vì với đối tượng này trình độ thấp, tham gia các lớp đào tạo họ khó tiếp cận hơn. Nói tóm lại việc giáo dục pháp luật phụ nữ có kết quả tốt, cần vận dụng hợp lý các hình thức và khai thác tối đa lợi thế của từng loại hình.

5. Hiệu quả của công tác giáo dục pháp luật cho phụ nữ nước ta trong giai đoạn hiện nay là hiệu quả của sự lãnh đạo và chỉ đạo thống nhất của Đảng, Nhà nước, Tổ chức chính trị xã hội và các cơ quan liên quan; hiệu quả của sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, giáo dục pháp luật trong cả nước. Hiệu quả của công tác giáo dục pháp luật cho phụ nữ còn là sự phối hợp, sự áp dụng, sự vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo, hợp lý các giải pháp đã nêu trong luận văn của các chủ thể giáo dục pháp luật cho phụ nữ ở các địa phương trong cả nước.